

Số: *5115*/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *11* tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế quản lý tài chính**  
**của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 3594/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc kiện toàn Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4156/TTr-SNN&PTNT ngày 28 tháng 11 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND Tỉnh (bc);
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh (bc);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo QN, TT Thông tin VP UBND tỉnh;
- V0-3, NLN1,3, TM;
- Lưu: VT, NLN3 (10b, QĐ 02/12).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Huy Hậu**

**QUY CHẾ  
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ BẢO VỆ  
VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH QUẢNG NINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5115/QĐ-UBND ngày 11/12/2018  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này quy định chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ninh (sau đây viết tắt là Quỹ BVPTR tỉnh).

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trong nước tham gia, đóng góp, tài trợ hoặc nhận hỗ trợ từ Quỹ BVPTR; tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia đóng góp, tài trợ cho Quỹ.

**Điều 2. Hình thức tổ chức**

Theo Điều 2, Điều lệ về tổ chức hoạt động của Quỹ BVPTR tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập Quỹ BVPTR tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động**

Theo khoản 2, Điều 3, Điều lệ về tổ chức hoạt động của Quỹ BVPTR tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập Quỹ BVPTR tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ**

Theo Điều 5, Điều lệ về tổ chức hoạt động của Quỹ BVPTR tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập Quỹ BVPTR tỉnh Quảng Ninh.

**Chương II  
QUẢN LÝ CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH QUỸ**

**Mục I  
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH QUỸ**

**Điều 5. Nguồn tài chính của Quỹ**

1. Nguồn tài chính hình thành Quỹ BVPTR tỉnh được quy định tại Điều 6, Điều lệ về tổ chức hoạt động của Quỹ BVPTR tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập Quỹ BVPTR tỉnh Quảng Ninh.

2. Nguồn tài chính Quỹ BVPTR tỉnh được quy định tại khoản 2, Điều 2, Thông tư 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ BVPTR.

### **Điều 6. Cơ chế tài chính Quỹ**

Quỹ thực hiện cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP. Nguồn tài chính thực hiện cơ chế tự chủ là nguồn kinh phí chi hoạt động của Quỹ.

## **Mục II CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**

### **Điều 7. Xác định số tiền thực thu trong năm**

Số tiền thực thu trong năm bằng số tiền bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng (sau đây viết tắt là DVMTR) từ ngày 01/01 đến 31/12 (bao gồm tiền DVMTR phải trả và tiền lãi chậm trả nếu có) cộng với lãi tiền gửi phát sinh từ số tiền DVMTR thu được.

### **Điều 8. Xác định kinh phí quản lý**

1. Số kinh phí quản lý được trích bằng số tiền thực thu trong năm nhân với mức trích.

2. Mức trích: Tối đa bằng 10% tổng số tiền DVMTR thực thu trong năm. Mức trích do UBND tỉnh phê duyệt trong Quyết định phê duyệt kế hoạch thu chi hàng năm của Quỹ.

3. Thời gian trích: Để đảm bảo kinh phí chi cho hoạt động của bộ máy Quỹ, kinh phí quản lý được tạm trích từng quý trong năm. Đến 31/12, sau khi xác định số tiền thực thu trong năm, tính số chính thức được trích đảm bảo không vượt quá số kinh phí quản lý đã được phê duyệt trong kế hoạch thu chi.

### **Điều 9. Kinh phí dự phòng**

1. Kinh phí dự phòng bằng số tiền thực thu trong năm nhân với mức trích.

2. Mức trích: Tối đa bằng 5% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm để dự phòng, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được giao, khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài trong trường hợp có thiên tai, khô hạn và mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên cùng một diện tích thấp hơn mức chi trả của năm trước liền kề. Mức trích do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Thời gian trích: Khi phát sinh nhu cầu sử dụng trong năm. Đến ngày 31/12 số đã trích chưa sử dụng hết chuyển trả cho bên cung ứng DVMTR.

4. Kinh phí dự phòng được dùng để hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được giao, khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài trong trường hợp có thiên tai, khô hạn hoặc mức chi trả trên cùng đơn vị diện tích cung ứng DVMTR trên địa bàn tỉnh thấp hơn năm trước liền kề.

#### **Điều 10. Xác định số tiền chi trả cho bên cung ứng DVMTR**

1. Thẩm quyền xác định: Giám đốc Quỹ xác định số tiền chi trả cho bên cung ứng DVMTR (Khoản 1, Điều 6, Thông tư 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2011 về việc hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng).

2. Thời gian xác định: Hàng năm, trên cơ sở số tiền thực thu trong năm và diện tích rừng cung ứng DVMTR.

#### **Điều 11. Lập và phê duyệt kế hoạch thu, chi**

1. Hàng năm Quỹ BVPTTR tỉnh lập kế hoạch thu, chi tiền DVMTR vào Quý IV trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Nội dung, trình tự lập kế hoạch thu chi

a) Rà soát, xác định diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng, lập danh sách bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

b) Tổng hợp kế hoạch nộp tiền dịch vụ môi trường rừng của các bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng.

c) Thông báo kế hoạch thu, chi cho chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân huyện, xã; gửi quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu, chi cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

#### **Điều 12. Tạm ứng, thanh toán và báo cáo quyết toán**

1. Tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng

Căn cứ kế hoạch thu, chi do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, Quỹ BVPTTR tỉnh tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng hoặc chuyển cho các đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ Quỹ BVPTTR tỉnh thực hiện nhiệm vụ chi trả tạm ứng cho các chủ rừng.

2. Thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng

a) Căn cứ số tiền thực thu trong năm, kết quả xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng, Quỹ BVPTTR tỉnh, đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ chi trả thực hiện thanh toán tiền cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng trước ngày 30 tháng 4 năm sau.

b) Sau khi hoàn thành việc thanh toán, đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ chi trả lập báo cáo tổng hợp theo Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018, gửi Quỹ BVPTTR tỉnh kèm theo chứng từ trước ngày 10 tháng 5 năm sau.

c) Căn cứ số kinh phí quản lý được sử dụng, nội dung chi, mức chi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và chứng từ chi hợp pháp, Quỹ BVPTR tỉnh thanh toán tiền chi phí quản lý cho các đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ chi trả.

### 3. Báo cáo quyết toán

#### a) Thời gian nộp báo cáo quyết toán

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng khóa sổ kế toán vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng được lập theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018, nộp về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 31 tháng 5 năm sau.

Chủ rừng là tổ chức có thực hiện khoán bảo vệ rừng lập báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018, nộp cơ quan quản lý trực tiếp và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh trước ngày 31 tháng 5 năm sau.

Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chính trị - xã hội khóa sổ kế toán, lập và nộp báo cáo theo quy định về quản lý tài chính đối với từng loại hình tổ chức.

#### b) Thẩm định, xét duyệt quyết toán

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

Thời gian thẩm định, xét duyệt quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng: Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ tài chính đối với từng loại hình tổ chức.

## Mục III

### TRỒNG RỪNG THAY THẾ

#### **Điều 13. Quản lý và sử dụng tiền trồng rừng thay thế**

1. Tiền trồng rừng thay thế do các chủ đầu tư dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp vào tài khoản tiền gửi của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng mở tại Kho bạc Nhà nước sử dụng để trồng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017.

#### 2. Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng

Quỹ BVPTR tỉnh tham mưu UBND tỉnh giao nhiệm vụ, phân bổ kinh phí cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban quản lý rừng hoặc đơn vị, tổ chức có chức năng để trồng rừng thay thế trên diện tích quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đối với nguồn kinh phí do chủ đầu tư dự án nộp vào Quỹ BVPTR tỉnh hoặc nguồn kinh phí trồng rừng thay thế tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

UBND các huyện, thị xã, thành phố, Ban Quản lý rừng hoặc đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ trồng rừng tiến hành lập, trình phê duyệt thiết kế, dự

toán và tổ chức thực hiện trồng rừng thay thế theo Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.

#### **Điều 14. Phân bổ vốn, thanh toán, quyết toán**

1. Phân bổ vốn: Quỹ thực hiện phân bổ vốn theo năm.

a) Phân bổ vốn năm đầu: Căn cứ để phân bổ vốn bao gồm: Quyết định của UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho đơn vị thực hiện trồng rừng; Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán của Sở Nông nghiệp và PTNT.

b) Phân bổ vốn các năm tiếp theo: Theo biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

2. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán

a) Thực hiện tạm ứng, thanh toán qua Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Mục 2 Chương II, Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 108/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016; Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Thông tư số 108/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

b) Quyết toán: Thực hiện theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016, quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016.

#### **Điều 15. Quản lý, sử dụng rừng trồng thay thế sau đầu tư**

Quản lý, sử dụng rừng trồng thay thế sau đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 5, Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017.

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH QUỸ**

#### **Điều 16. Nguồn kinh phí hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ**

1. Kinh phí quản lý được trích tối đa 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm.

2. Phí ủy thác theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng;

3. Lãi tiền gửi kinh phí hoạt động bộ máy Quỹ;

4. Nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

## **Điều 17. Chi hoạt động bộ máy Quỹ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, khoản 2, điểm b của Thông tư 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng.

### 1. Chi hoạt động thường xuyên

#### a) Chi quản lý:

- Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Bộ máy điều hành Quỹ;

- Chi về cước phí bưu điện và truyền tin;

- Chi xăng dầu, điện, nước;

- Chi công tác phí, hội nghị;

- Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố định;

- Chi văn phòng phẩm;

- Chi khác;

#### b) Chi hoạt động nghiệp vụ:

- Chi thẩm định chương trình, dự án;

- Chi phí dịch vụ thanh toán;

- Chi phí dịch vụ uỷ thác;

- Chi thông tin, tuyên truyền, quảng bá;

- Chi thanh tra, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, đánh giá rừng;

- Chi phí kiểm toán;

### 2. Chi hoạt động không thường xuyên

- Chi bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, hội nghị;

- Hỗ trợ hoạt động kỹ thuật theo dõi chất lượng dịch vụ môi trường rừng; hỗ trợ các hoạt động liên quan đến chi trả dịch vụ môi trường rừng cấp huyện, xã; Chi cho các tổ chức được ủy quyền thu các khoản đóng góp bắt buộc cho Quỹ;

- Chi mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn;

- Chi phí học tập kinh nghiệm;

- Chi khen thưởng: Thực hiện theo quy định của Nhà nước

3. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Bộ máy điều hành, Ban kiểm soát Quỹ do Giám đốc Quỹ căn cứ vào nhiệm vụ được giao của từng thành viên và khả năng tài chính của Quỹ để xây dựng mức chi cho phù hợp, nhưng không quá 30% mức lương, phụ cấp lương của mỗi thành viên làm việc kiêm nhiệm, trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phê duyệt.



4. Nội dung chi, mức chi hoạt động nghiệp vụ, chi quản lý thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp pháp luật chưa có quy định nội dung chi, mức chi, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng căn cứ khả năng tài chính xây dựng nội dung chi, mức chi cho phù hợp trình Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5. Chế độ quản lý chi tiêu nội bộ của bộ máy Quỹ

Căn cứ nguồn kinh phí hoạt động của bộ máy, Quỹ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt ban hành.

#### **Điều 18. Lập và phê duyệt kế hoạch tài chính của bộ máy Quỹ**

Căn cứ nguồn kinh phí hoạt động của bộ máy Quỹ tại Điều 16 Quy chế này, Quỹ BVPTR tỉnh lập kế hoạch tài chính hoạt động bộ máy Quỹ vào Quý IV hàng năm, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt.

### **Chương IV**

## **QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH QUỸ**

#### **Điều 19. Chế độ kế toán**

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Bộ phận kế toán Quỹ BVPTR tỉnh phải mở sổ kế toán ghi chép, theo dõi, hạch toán kế toán các khoản thu, chi của Quỹ; bảo đảm mọi khoản thu, chi của Quỹ phải có chứng từ hợp pháp, hợp lệ; cuối năm tổ chức lập báo cáo quyết toán tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 20. Chế độ báo cáo, công khai thông tin, quyết toán**

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Quỹ thực hiện công bố, công khai kết quả hoạt động, tài sản, vốn, công nợ của Quỹ hàng năm theo quy định của Nhà nước.

3. Kết thúc năm tài chính, Quỹ BVPTR tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức thẩm định, xét duyệt báo cáo quyết toán của Quỹ, báo cáo Sở tài chính xem xét, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

#### **Điều 21. Chế độ trách nhiệm**

Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả và chấp hành các chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán.

#### **Điều 22. Thanh tra, kiểm tra**

1. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức việc thực hiện thu, chi tài chính của Quỹ theo đúng các quy định pháp luật và Quy chế này.

2. Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ; chịu sự kiểm tra tài chính của Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính gồm: kiểm tra báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán định kỳ hoặc đột xuất.

3. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra chuyên đề theo từng yêu cầu của công tác quản lý tài chính.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

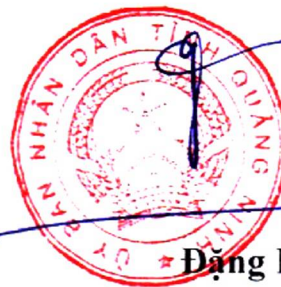
#### **Điều 23. Điều khoản thi hành**

1. Quỹ có trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng có hiệu quả, bảo đảm an toàn và phát triển vốn của Nhà nước, vốn huy động của tổ chức, cá nhân khác trong quá trình hoạt động theo mục tiêu hoạt động của Quỹ.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc, Quỹ có trách nhiệm phản ánh, báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ để kịp thời giải quyết hoặc trình UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung quy chế này cho phù hợp. *TH*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Huy Hậu**